TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:395/2019/HNGĐ-ST Ngày: 11 - 9 - 2019 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Nguyễn Thế Tự.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HN, ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Nguyễn Quốc K**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 130/27, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường L, quận K, thành phồ Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: số 195/4, đường 3 tháng 2, khu vực 3, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

2.Bị đơn: **Trần Thị Thu D**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 130/27, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường A, quận K, thành phồ Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: ấp X, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Quốc K (sau đây gọi anh K) trình bày: giữa anh và bị đơn Trần Thị Thu D (sau đây gọi chị D) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên cãi vã nhau về chuyện phía bên gia đình vợ, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với chị D.

-Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 21 tháng 4 năm 2013 và cháu Nguyễn Trần Khánh M (nữ), sinh ngày 21 tháng 6 năm 2016, từ khi ly thân đến nay các con chung, sống với anh Kvà do anh K nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn Trần Thị Thu D trình bày: thừa nhận lời trình bày của anh K về quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian ly thân, riêng về nguyên nhân mâu thuẫn cũng có một phần do anh K đi nhậu không lo vợ con, chị D xác định: chung sống không hạnh phúc nên chị cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: anh K và chị D qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 9 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh K, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo

điều kiện để anh, chị được hòa giải đoàn tụ nhưng cả anh K và chị D đều xác định là không còn tình cảm vợ chồng và đều thuận tình ly hôn; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[4] Về con chung: có hai con chung, có tranh chấp về quyền nuôi con, cả anh K và chị D đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung, chưa yêu cầu người còn lại cấp dưỡng, cả hai đều có tình cảm thiêng liêng giành cho các con. Tuy nhiên, cần phải xem xét đến hoàn cảnh sống và điều kiện cụ thể của từng bên mới đủ căn cứ giao con chung cho ai nuôi dưỡng là phù hợp. Xét đến hoàn cảnh của từng bên:

[4.1] Đối với anh K, là cán bộ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, được hưởng lương cơ bản từ Ngân sách Nhà nước, có thu nhập ổn định 12.000.000 đồng/01 tháng, hiện tại cháu Nguyễn Quốc K đã đủ tuổi đến trường và được anh K cho đi học. Đối với chị D, tại phiên tòa chị xác định từ trước đến nay chưa có nghề nghiệp nhưng chị cố gắng bằng bàn tay lao động sẽ tạo điều kiện để nuôi hai con, điều kiện chị D đưa ra chỉ có thể hình thành trong tương lai, trong khi hiện tại các cháu đã và sắp đủ tuổi đến trường.

[4.2] Xét cả hai con chung, từ khi ly thân đến nay thì các cháu do anh K nuôi dưỡng thời gian gần 3 tháng, cháu K đang được đi học, qua đây xác định được các cháu đã quen với môi trường sống này, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, đồng thời nhằm đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của các cháu cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào điều kiện cụ thể như vừa phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, cần tiếp tục giao cả hai cháu cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi anh K, chị D có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh K chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Diệu mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: anh K phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Quốc K và chị Trần Thị Thu D thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: giao hai cháu Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 21 tháng 4 năm 2013 và cháu Nguyễn Trần Khánh M (nữ), sinh ngày 21 tháng 6 năm 2016 cho anh Nguyễn Quốc K được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi anh K, chị D có yêu cầu khác.

Chị Trần Thị Thu D chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung cho chị Trần Thị Thu D mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Quốc K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022066, ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã T, h.P, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm